

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HN&GD-ST  
Ngày 16-5-2025  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Diễm My

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Thu Uyển và bà Võ Thị Thanh Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:**  
Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đắc Nông – Có đơn xin vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nội dung chia tài sản chung khi ly hôn:* Ông Y Thanh L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, thị trấn C, huyện S, tỉnh Đắc Nông – Có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Trần Công M, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đắc Nông – Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 22/11/2004, chị Phan Thị Tuyết H và anh Trần Công M đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Đắc Nông. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể cùng nhau xây dựng gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M. Về nuôi con

chung: Chị H và anh M có 02 con chung là cháu Trần Minh H1, sinh ngày 27/11/2005, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 thì chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu cấp dưỡng và tạo điều kiện cho anh M được thăm nom con chung. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 5x, tờ bản đồ số 7x, diện tích 3.1xxm<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 728xxx ngày 14/3/2013 cho anh M và chị H, trên đất có nhà ở cấp 4; song, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/4/2025 thì chị H tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung (không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn). Về cấp dưỡng và nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí sơ thẩm chị H tự nguyện chịu.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Anh M đồng ý với lời trình bày của chị H và đồng ý ly hôn, giao con chung là cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung anh M thống nhất với chị H là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí sơ thẩm chị H tự nguyện chịu nên anh M không có ý kiến gì. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 10/4/2025 anh M có mặt và thống nhất các nội dung nêu trên nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết H, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H ly hôn bị đơn anh Trần Công M. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Công M và giao con chung là cháu Trần Gia H2 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chia tài sản chung khi ly hôn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trú tại thôn A, xã N, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử mở phiên tòa giải quyết vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/11/2004, chị Phan Thị Tuyết H và anh Trần Công M đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể cùng nhau xây dựng gia đình; vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tại phiên hòa giải bị đơn đồng ý ly hôn nhưng không ký biên bản hòa giải. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 cho đến khi cháu H2 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải bị đơn cũng đồng ý (nhưng không ký biên bản hòa giải). Bên cạnh đó, cháu H2 là con gái đang trong giai đoạn phát triển cần được chăm sóc nhiều hơn từ mẹ và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2024 cháu H2 có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho con chung được phát triển ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của con chung thì yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Phan Thị Tuyết H là phù hợp nên cần giao con chung là cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Phan Thị Tuyết H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 5x, tờ bản đồ số 7x, diện tích 3.1xxm<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 728xxx ngày 14/3/2013 cho anh M và chị H, trên đất có nhà ở cấp 4. Tuy nhiên, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/4/2025 thì chị

H tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử đình giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn dư.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 219; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H, cụ thể:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H ly hôn bị đơn anh Trần Công M.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia H2, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Phan Thị Tuyết H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết (do các đương sự không có yêu cầu).

1.4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung thửa đất số 5x, tờ bản đồ số 7x, diện tích 3.1xxm<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 728xxx ngày 14/3/2013 cho anh Trần Công M và chị Phan Thị Tuyết H, trên đất có nhà ở cấp 4. Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn.

**2. Về án phí sơ thẩm:** Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.175.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004356 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; chị H được nhận lại số tiền 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CC THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã N, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trương Thị Diễm My**